

**TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI HTA**

Số 10 Lô 26 Khu phần mềm Quang Trung, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh

MST: 0315742735 DT: 02862701784 E: tqhuy@hta-arbitration.vn W: hta-arbitration.vn

DANH SÁCH TRỌNG TÀI VIÊN (CẬP NHẬT: THÁNG 11/2022)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số CMND/ CCCD/Hộ chiếu/ Nơi cấp	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nghề nghiệp, Trình độ chuyên môn
1	Ngô Sỹ Anh	1965	Nam	Việt Nam	038065006455, cấp ngày 05/4/2019, Cục CSQLHC về TTXH	6/20 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Luật sư, Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật
2	Đặng Nguyệt Anh	1969	Nữ	Việt Nam	024449690, cấp ngày 12/01/2006, Công an Tp. Hồ Chí Minh	261/28A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Cử nhân Hạch toán thương nghiệp, Quản trị kinh doanh.
3	Nguyễn Thanh Bình	1965	Nam	Việt Nam	023003864, cấp ngày 29/8/2011, Công an Tp. Hồ Chí Minh	310 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Công chức Bộ Tư pháp, Tiến sỹ luật học
4	Nguyễn Thị Cam	1952	Nữ	Việt Nam	045152000008, cấp ngày 10/6/2016, Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	23/1 Đường 27, Khu phố 9, P. Hiệp Bình Chánh	Luật sư, Thạc sỹ luật học
5	Hồ Quân Chính	1979	Nam	Việt Nam	025118587, cấp ngày 12/5/2009, Công an Tp. Hồ Chí Minh	109/33/14/5/7 Đường 8, Khu phố 1, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức	Giảng viên, Thạc sỹ luật học
6	Nguyễn Văn Hùng	1969	Nam	Việt Nam	079068006666,	305 Lô L chung cư	Kế toán



	Cường			Nam	cấp ngày 16/01/2019 tại Cục CSQLHC về TTXH	Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	trưởng, Cử nhân kế toán
7	Trần Thị Thùy Dương	1974	Nữ	Việt Nam	023092519, cấp ngày 02/02/2012 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh	213 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sỹ luật học
8	Phan Thị Thành Dương	1975	Nữ	Việt Nam	031175005932, cấp ngày 22/6/2018 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	209 Nguyễn Văn Đậu, P. 11, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên, Tiến sỹ luật học
9	Dương Văn Hậu	1959	Nam	Việt Nam	044059000702, cấp ngày 01/3/2018, Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Tổ 3 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tiến sỹ luật học
10	Trần Minh Hiệp	1983	Nam	Việt Nam	052083000084, cấp ngày 27/6/2016, Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	635/35 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên, Thạc sỹ luật
11	Phan Huy Hồng	1965	Nam	Việt Nam	024146484, cấp ngày 10/02/2014 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh	409/50/6, Khu phố 3, Đường Huỳnh Thị Hai, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sỹ luật học
12	Nguyễn Văn Huy	1979	Nam	Việt Nam	075079000097, cấp ngày 11/8/2016; Cục CSDKQLCT và DLQG về dân cư	Căn 0402 Lô C2, CC Imperia, P. An Phú, Q. 2, Tp. HCM	Luật sư, Cử nhân luật, Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ kinh tế

13	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1983	Nữ	Việt Nam	079183003689, cấp ngày 16/09/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	6B cư xá Đồng Tiến, Phường 14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên, Thạc sỹ luật
14	Trần Thanh Hương	1965	Nữ	Việt Nam	023138431, cấp ngày 10/5/2008, Công an Tp. Hồ Chí Minh	127 Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Luật sư, Cố vấn pháp lý doanh nghiệp
15	Đào Thị Thu Hương	1979	Nữ	Việt Nam	273061019, cấp ngày 27/3/2010, Công an Bà Rịa – Vũng Tàu	504 H3 Chu Văn An, P. 26, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Luật sư; Cử nhân luật
16	Nguyễn Thị Diễm Hương	1981	Nữ	Việt Nam	273122284, cấp ngày 06/3/2014, Công an Bà Rịa – Vũng Tàu	17/16C Nguyễn Gia Thiều, P. 12, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Giảng viên, Luật sư, Thạc sỹ luật học
17	Trần Thị Hằng Nga	1972	Nữ	Việt Nam	022780852, cấp ngày 27/7/2011, Công an Tp. Hồ Chí Minh	42 Liên khu 2-10, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Tp. HCM	Luật sư; Cử nhân luật
18	Lê Hoàng Nhi	1982	Nam	Việt Nam	025560134, cấp ngày 23/11/2011, Công an Tp. Hồ Chí Minh	117/16 Đường Tân Chánh Hiệp 07, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM	Giám đốc thu mua Tập đoàn Neovia; Thạc sỹ luật, Thạc sỹ tài chính
19	Nguyễn Thị Hoài Phương	1966	Nữ	Việt Nam	023008818, cấp ngày 28/9/2005, Công an Tp. Hồ Chí Minh	275/28B Bạch Đằng, P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Phó giáo sư, tiến sỹ luật học
20	Nguyễn Thanh Quốc	1973	Nam	Việt Nam	048073000145, cấp ngày 05/04/2018, Cục CSQLHC về TTXH	302/4 Hai Bà Trưng, P. Tân định, Tp. HCM	Tư vấn doanh

TÀI

3AN
JHÀ

★

						Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	ngiệp; Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ
21	Lưu Quốc Thái	1973	Nam	Việt Nam	024468896, cấp ngày 26/7/2005, Công an Tp. Hồ Chí Minh	407B Chung cư Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên chính, Tiến sỹ luật học
22	Ngô Thị Thu	1981	Nữ	Việt Nam	049181000206, cấp ngày 17/05/2018 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	409/50/6, Khu phố 3, Đường Huỳnh Thị Hai, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh	Luật sư; Thạc sỹ luật
23	Nguyễn Thị Huyền Trang	1981	Nữ	Việt Nam	066.181.000.024, cấp ngày 17/03/2016; Cục Cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về Dân cư	Căn 0402 Lô C2, Chung cư Imperia, P. An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	Luật sư; Cử nhân luật
24	Trần Thanh Tùng	1980	Nam	Việt Nam	03408000868, cấp ngày 15/11/2018, Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	725/14 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Luật sư; Cử nhân luật, Thạc sỹ luật, Cử nhân kinh tế
25	Hoàng Thị Vui	1963	Nữ	Việt Nam	030163003306, cấp ngày 04/12/2017, Công an Bà Rịa – Vũng Tàu	78A17 Trương Công Định, Phường 3, Tp. Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu	Luật sư; Thạc sỹ luật
26	Nguyễn Văn Vân	1967	Nam	Việt	504067000025,	12 Đường 37 Khu	Giảng viên

				Nam	cấp ngày 24/6/2018, Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	phố 7, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sỹ luật học
27	Phạm Văn Võ	1969	Nam	Việt Nam	023666561, cấp ngày 30/3/2015, Công an Tp. Hồ Chí Minh	107 tầng 2 Lô A8-II Nguyễn Xí, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Giảng viên, Tiến sỹ luật học
28	Henri Dang Ngoc Chan	1955	Nam	Pháp	Passport n° 13AR90748; cấp ngày 02/04/2013, Préfecture Police Paris	15 rue Lacépède 75005 Paris, France	Giáo sư, tiến sỹ
29	Thomas Rauscher	1955	Nam	Đức	CFFLC11Y0, cấp ngày 18.06.2018, Kiefersfelden	Sudetenlandstrasse 2a, 83088 Kiefersfelden, Germany	Giáo sư, tiến sỹ
30	Lee Chang Yeol	1974	Nam	Hàn Quốc	M17308227, cấp ngày 06/3/2019, Bộ Ngoại giao Hàn Quốc	Hàn Quốc	Giám đốc tài chính Công ty TNHH KNL Việt Nam; Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
31	Lee Soo Jung	1980	Nữ	Hàn Quốc	M74159481, cấp ngày 27/3/2013, Bộ Ngoại giao Hàn Quốc	Hàn Quốc	Luật sư, Giám đốc Công ty Luật TNHH KNL Việt Nam; Cử nhân luật
32	Athula	1959	Nam	Australia	PA9161348, cấp ngày 31/8/2018,	41 Merryn Grove, Wantirna South VIC	Tiến sỹ luật, thạc sỹ quản

	Pathinayake				nơi cấp Melbourne, Australia	3152 Australia	trị kinh doanh, thạc sỹ giáo dục và đào tạo nghề Giảng viên Đại học Deakin, Australia; Luật sư tại Victoria, Australia và Sri Lanca
33	Mai Xuân Tuyền	1971	Nam	Việt Nam	CCCD số 038071003456, cấp ngày: 08/06/2017, cơ quan cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	750/1/8 Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP.HCM, Việt Nam	Thạc sỹ luật Luật sư, Đoàn Luật sư TP.HCM
34	Trần Phú Vinh	1971	Nam	Việt Nam	023184870, cấp ngày 16/7/2011, cơ quan cấp: CA TP.HCM	41/40 BC9, P. 14, Q. Tân Bình, TP.HCM, Việt Nam	Thạc sỹ luật Luật sư, Đoàn Luật sư TP.HCM
35	Nguyễn Ngọc Duy Mỹ	1976	Nữ	Việt Nam	086176000162, cấp ngày 24/5/2017, cơ quan cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	193 Đường 26, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam	Thạc sỹ luật Luật sư, Đoàn Luật sư TP.HCM
36	Thái Thị Tuyết Dung	1976	Nữ	Việt Nam	CCCD số: 051176000288, cấp ngày 23/10/2020, cơ quan cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật	389 Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TPHCM	Giảng viên, Tiến sỹ luật học

					tự xã hội		
37	Đặng Thanh Hoa	1976	Nữ	Việt Nam	CCCD số 051174014458; cấp ngày 07/7/2017; cơ quan cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	42 (Phòng D34) Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, TPHCM	Giảng viên, Tiến sỹ luật học
38	Lương Khải Ân	1975	Nam	Việt Nam	CCCD số 054075000067, cấp ngày 10/05/2021, cơ quan cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	326/10 Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TPHCM	Luật sư, Tiến sỹ luật học

TRƯỜNG MẠI